|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ XÂY DỰNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/TT-BXD | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 50/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quy định thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài và Thông tư số 08/2022/TT-BGTVT ngày 16/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;

*Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;*

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chínhphủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và An toàn giao thông;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài.

**Điều 1.** **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2016/TT- BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài.**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Bộ trưởng Bộ xây dựng Giấy phép vận tải biển nội địa trong các trường hợp sau đây:

a) Vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc các loại hàng hóa khác bằng tàu biển chuyên dùng; giải tỏa hàng hóa, hành khách và hành lý bị ách tắc tại cảng khi tàu biển Việt Nam không đủ khả năng vận chuyển;

b) Để phòng chống, khắc phục thiên tai, dịch bệnh hoặc cứu trợ nhân đạo khẩn cấp”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 4 điều 6 như sau:

“2. 01 (một) bản sao điện tử Giấy chứng nhận Đăng ký tàu biển.

3. 01 (một) bộ hồ sơ đăng kiểm tàu biển bao gồm các Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển (bản sao điện tử) theo quy định.

4. 4. 01 (một) bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử có bản chính để đối chiếu một trong các loại giấy tờ sau: Hợp đồng đại lý hoặc Giấy chỉ định đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài (trong trường hợp tổ chức đề nghị là đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài) hoặc Hợp đồng thuê tàu giữa chủ tàu nước ngoài với pháp nhân Việt Nam”.

3. Sửa đổi Điều 7 như sau:

“1. Chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài hoặc pháp nhân Việt Nam thuê tàu từ chủ tàu nước ngoài nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hoặc gửi trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

2. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nhận trực tiếp, người nhận hồ sơ phải kiểm tra và thông báo rõ cho người nộp những nội dung cần bổ sung, sửa đổi (nếu có). Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến còn thiếu, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thông báo rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi. Đối với hồ sơ nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, hình thức thông báo thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, Cục Hàng hải và Đường thuỷ Việt Nam thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép vận tải biển nội địa đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục Hàng hải và Đường thuỷ Việt Nam để lấy ý kiến rộng rãi, lập báo cáo thẩm định trình Bộ Xây dựng xem xét, quyết định

4. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định của Cục Hàng hải và Đường thuỷ Việt Nam, Bộ Xây dựng xem xét, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không cấp Giấy phép vận tải biển nội địa, Bộ Xây dựng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Bộ Xây dựng trả kết quả bằng bản điện tử về Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam để trả cho chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; đồng thời sao gửi đến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 8 như sau:

“2. 01 (một) bản sao điện tử Giấy chứng nhận Đăng ký tàu biển.

3. 01 (một) bộ hồ sơ đăng kiểm tàu biển bao gồm các Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển (bản sao điện tử) theo quy định”

5. Sửa đổi Điều 9 như sau:

1. Chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hoặc gửi trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

2. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nhận trực tiếp, người nhận hồ sơ phải kiểm tra và thông báo rõ cho người nộp những nội dung cần bổ sung, sửa đổi (nếu có). Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến còn thiếu, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thông báo rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi. Đối với hồ sơ nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, hình thức thông báo thực hiện theo quy định pháp luật về cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

3. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Cục Hàng hải và Đường thuỷ Việt Nam thẩm định hồ sơ, lập báo cáo thẩm định trình Bộ Xây xem xét, quyết định.

4. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định của Cục Hàng hải và Đường thuỷ Việt Nam, Bộ Xây dựng xem xét, cấp Giấy phép vận tải biển nội địa theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không cấp Giấy phép vận tải biển nội địa, Bộ Xây dựng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Bộ Xây dựng trả kết quả bằng bản điện tử về Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam để trả cho chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; đồng thời sao gửi đến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính”.

6. Sửa đổi khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 10 như sau:

“2. 01 (một) bản sao điện tử Giấy chứng nhận Đăng ký tàu biển.

3. 01 (một) bộ hồ sơ đăng kiểm tàu biển bao gồm các Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển (bản sao điện tử) theo quy định.

4. 01 (một) bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử có bản chính để đối chiếu một trong các loại giấy tờ sau: Hợp đồng đại lý hoặc Giấy chỉ định đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài (trong trường hợp tổ chức đề nghị là đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài) hoặc Hợp đồng thuê tàu giữa chủ tàu nước ngoài với pháp nhân Việt Nam.

5. 01 (một) bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử có bản chính để đối chiếu Phương án chi tiết việc thực hiện vận chuyển hành khách và hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền và ngược lại.”

7. Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản Điều 11 của Thông tư số 50/2016/TT-BGTVT như sau

“1. Chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cảng vụ hàng hải tại khu vực mà tàu khách du lịch neo đậu hoặc gửi trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

2. Cảng vụ hàng hải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nhận trực tiếp, người nhận hồ sơ phải kiểm tra và thông báo rõ cho người nộp những nội dung cần bổ sung, sửa đổi (nếu có). Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến còn thiếu, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cảng vụ hàng hải thông báo rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi. Đối với hồ sơ nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, hình thức thông báo thực hiện theo quy định pháp luật về cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính”.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025

2. Bãi bỏ Điều 2 của Thông tư số 08/2022/TT-BGTVT ngày 16/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Văn phòng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quanthuộc Chính phủ;- UBND các tỉnh, thành phố;- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC (BộTư pháp);- Công báo;- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng;- Lưu: VT, PC. | **BỘ TRƯỞNG**  **Trần Hồng Minh** |